

Số: 02/CTr-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển
kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH NĂM 2022

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của Thủ đô và đất nước, năm đầu triển khai thực Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh dịch COVID-19 bùng phát lần thứ tư với biến thể Delta lây lan nhanh, diễn biến phức tạp. Những biện pháp phòng, chống dịch chưa có tiền lệ, quyết liệt hơn được áp dụng đã ảnh hưởng đến đời sống người dân, sản xuất kinh doanh, tăng trưởng và phát triển KTXH. UBND Thành phố có các báo cáo về “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2021 và Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022” gửi kỳ họp thứ 3 HĐND Thành phố: số 342/BC-UBND ngày 01/12/2021, số 358/BC-UBND ngày 07/12/2021. Thành phố đã hoàn thành 15/23 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu Kế hoạch (KH) phát triển KTXH, *không hoàn thành 08/23 chỉ tiêu*, gồm: 04 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, 02 chỉ tiêu lĩnh vực xã hội và 02 chỉ tiêu phát triển đô thị, bảo vệ môi trường. Ngoài ra, còn *những tồn tại, hạn chế cần khắc phục*: Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thấp, không đạt mục tiêu đề ra; Tiến độ lập một số đồ án quy hoạch còn chậm; Tình trạng dự án chậm GPMB, chậm tiến độ, nhà đầu tư chậm hoàn thành các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng để triển khai dự án, đưa đất vào sử dụng vẫn còn tồn tại; Chất lượng môi trường còn nhiều bất cập... Các hạn chế có nguyên nhân khách quan là do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, nhưng *nguyên nhân chủ quan chủ yếu* do công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa kịp thời, còn lúng túng, bị động, thiếu quyết liệt, chưa nắm chắc tình hình; năng lực một bộ phận cán bộ quản lý các cấp còn hạn chế, né tránh, sợ trách nhiệm; việc thực hiện các biện pháp, hướng dẫn của Trung ương về phòng, chống dịch, lưu thông hàng hóa, tổ chức sản xuất an toàn chưa nghiêm, chưa nhất quán, chưa linh hoạt; công tác phối hợp với các bộ, ngành, giữa các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã có lúc thiếu chặt chẽ, chưa thật sự hiệu quả; thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân còn phiền hà...

Năm 2022, là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Tình hình quốc tế và trong nước dự báo có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch COVID-19 có thể phức tạp, nguy hiểm hơn với biến chủng mới. Tăng trưởng kinh tế thế giới không đồng đều, chưa vững chắc, có thể thấp hơn năm 2021. Áp lực lạm phát, bất ổn thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Ở trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh nâng lên nhưng sức chống chịu của doanh nghiệp và người dân giảm sút. Nguy cơ chậm phục hồi kinh

tế, suy giảm tăng trưởng còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát dịch bệnh hiệu quả. Thiên tai, biến đổi khí hậu tiêu cực là rủi ro thường trực.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và 10 Chương trình công tác toàn khóa của Thành ủy; Kết luận số 20-KL/TW ngày 16/10/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về KTXH năm 2021-2022; Nghị quyết của Quốc hội số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022; các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 03/12/2021 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố (Khóa XVII); Kết luận số 35-KL/TU ngày 06/12/2021 về Hội nghị lần thứ sáu BCH Đảng bộ Thành phố (khóa XVII) về KTXH, tài chính - ngân sách và đầu tư công năm 2021-2022; các nghị quyết của HĐND Thành phố: số 27/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022; số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2022, UBND Thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

I. TRỌNG TÂM TRONG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Mục tiêu tổng quát năm 2022 là: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Tập trung thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế. Chú trọng phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống của người dân.

Các chỉ tiêu chủ yếu: Tập trung thực hiện 24 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu chủ yếu phát triển KTXH, dự toán thu, chi ngân sách và biên chế hành chính, sự nghiệp; trong đó GRDP tăng từ 7,0-7,5%; GRDP/người từ 139-141 triệu đồng; vốn đầu tư xã hội tăng 10% (chi tiết tại Phụ lục 1a và 1b).

Để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, Thành phố tiếp tục thực hiện chủ đề **“Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”** và chỉ đạo, điều hành tập trung vào **06 trọng tâm** sau:

1. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, biến thách thức thành cơ hội, thực hiện thành công toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, tạo nền tảng vững chắc thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 đã đề ra.

2. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 chủ động, linh hoạt, hiệu quả. Củng cố hệ thống y tế cơ sở; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân cùng với đảm bảo vắc-xin và thuốc chữa bệnh COVID-19 nhằm bảo vệ tối đa sức

Ph

khỏe, tính mạng của Nhân dân. Hỗ trợ hiệu quả người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

3. Bám sát tình hình, tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy quá trình phục hồi, phát triển KTXH trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn quận, huyện, thị xã; trọng tâm là: Khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; Đẩy mạnh xuất khẩu; Từng bước phục hồi du lịch; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế thực chất, hiệu quả.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, thực thi pháp luật. Đẩy mạnh cải cách hành chính; Tăng cường phân cấp, ủy quyền; Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh.

5. Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội; Ổn định thị trường lao động, tạo việc làm, cơ cấu lại lực lượng lao động, nâng cao năng suất lao động, thu nhập, mức sống của người dân.

6. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung khắc phục tồn tại, hạn chế và chỉ tiêu không đạt kế hoạch

1.1. Khắc phục 08 chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch năm 2021, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Tập trung cao độ thực hiện các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu:

- (1) Tăng trưởng GRDP từ 7,0-7,5%;
- (2) GRDP/người từ 139-141 triệu đồng;
- (3) Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 10%;
- (4) Kim ngạch xuất khẩu tăng 5%;
- (5) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 72,2%;
- (6) Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm 70 trường;
- (7) Tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn được cung cấp nước sạch 85%;
- (8) Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có trạm xử lý nước thải 95%.

1.2. Khắc phục tồn tại, hạn chế năm 2021 đã được chỉ ra:

- Công tác chống dịch COVID-19 đôi lúc còn lúng túng, nhất là truyền thông, thông tin, tuyên truyền về phòng, chống dịch có lúc còn chưa kịp thời, chưa tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Tiến độ lập một số đồ án quy hoạch còn chậm; Chưa hoàn thành phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, nhất là các thủ tục về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng... còn bất cập;

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp, không đạt mục tiêu đề ra; một số dự án đầu tư trọng điểm chậm tiến độ;

- Chất lượng môi trường còn nhiều bất cập; ô nhiễm nước mặt sông Tô Lịch, một số đoạn sông Nhuệ - Đáy; tiến độ xây dựng các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn, các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt/ cụm công nghiệp/ làng nghề chậm...

2. Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Bộ Y tế về các giải pháp phòng, chống dịch COVID-19.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ, thống nhất Tiêu chí thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong các ngành, lĩnh vực. Chủ động xây dựng, triển khai các Kịch bản phòng, chống tương ứng với các cấp độ của dịch COVID-19.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai nâng cấp các cơ sở y tế, chú trọng đầu tư công và thu hút đầu tư, thực hiện xã hội hóa để triển khai ngay việc nâng cấp trạm y tế xã; Phát huy vai trò của mạng lưới y tế cơ sở, đội phản ứng nhanh, tổ hỗ trợ điều trị và tổ COVID-19 cộng đồng. Nâng cấp các bệnh viện đã có; Đầu tư các dự án bệnh viện trong Đề án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống y tế Hà Nội giai đoạn 2021-2025 được UBND Thành phố phê duyệt.

- Tiếp tục tiêm vắc xin phòng COVID-19, mở rộng tiêm vắc xin cho trẻ em, tiêm mũi 3 bổ sung.

- Hoàn thành cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây; Đẩy nhanh tiến độ dự án xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội giai đoạn 1, dự án nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín giai đoạn 1.

3. Đẩy nhanh sự phục hồi và phát triển kinh tế

3.1. Duy trì sự ổn định kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn

a) Cân đối thu - chi ngân sách

- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, về tài chính, ngân sách và các gói kích cầu phục hồi phát triển kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù trên địa bàn Thành phố theo nghị quyết của Quốc hội.

- Tăng cường kỷ luật tài chính, công tác quản lý thu, chống thất thu; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 311.650,7 tỷ đồng. Điều hành ngân sách chủ động, tích cực, an toàn, đúng quy định.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai và quản lý tốt hóa đơn điện tử, phấn đấu đến hết quý I/2022 có 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (đủ điều kiện theo quy định) triển khai hóa đơn điện tử.

- Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngay từ khâu dự toán.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm.

b) Thu hút vốn đầu tư phát triển

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; đơn giản hóa các thủ tục về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng...; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất, kinh doanh; phấn đấu vốn đầu tư phát triển xã hội tăng từ 10% trở lên.

c) Đẩy mạnh xuất khẩu

BL

Thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại; phục hồi chuỗi cung ứng và đẩy mạnh các đơn hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu; phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng từ 5% trở lên.

d) Kiểm soát giá tiêu dùng

Kiểm soát tốt giá cả các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất; phấn đấu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dưới 4%.

3.2. Đẩy nhanh sự phục hồi và phát triển các ngành kinh tế

Triển khai thực hiện ngay các giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Phấn đấu tăng trưởng GRDP đạt 7-7,5%, GRDP bình quân đầu người đạt 139-141 triệu đồng.

a) Dịch vụ

- Thúc đẩy sự phục hồi, phát triển các hoạt động dịch vụ thương mại; các chuỗi cung ứng, vùng nguyên liệu, kênh phân phối; tăng sức mua của thị trường trong nước.

- Thúc đẩy tổ chức các hoạt động liên kết vùng, hỗ trợ quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa với các tỉnh, thành phố.

- Thực hiện bình ổn thị trường, tăng cường quản lý thị trường, chống hàng giả, hàng nhái. Thúc đẩy phát triển mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến, dịch vụ Mobile Money.

- Thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, phục hồi và khai thác các đơn hàng sản xuất phục vụ xuất khẩu.

- Quản lý chặt các chợ, giải tỏa dứt điểm các chợ cóc, chợ tạm; cải tạo, xây dựng chợ, trung tâm thương mại (TTTM), siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Đẩy nhanh thủ tục đầu tư xây dựng TTTM AeonMall Bắc Từ Liêm; phấn đấu trong Quý III/2022 hoàn thành TTTM Park City Yên Nghĩa, Hà Đông.

b) Du lịch

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo. Xây dựng và triển khai đề án chuyển đổi số ngành Du lịch Thủ đô.

- Lấy thị trường khách du lịch nội địa là trọng tâm và động lực phát triển. Lựa chọn một số điểm du lịch phù hợp trên địa bàn Thành phố để thực hiện thí điểm du lịch an toàn với COVID-19. Chuẩn bị sẵn sàng đón khách du lịch quốc tế theo lộ trình mở cửa hoạt động du lịch quốc tế của Chính phủ

- Nhanh chóng phục hồi, phát triển hoạt động của các sự kiện văn hóa, thể thao, hội chợ, triển lãm, vui chơi giải trí, chiếu phim,...

- Chủ trì, phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến, chương trình, sự kiện, lễ hội du lịch chuyên nghiệp, độc đáo, hấp dẫn nhằm quảng bá, kích cầu thị trường du lịch; Đẩy mạnh triển khai chương trình tuyên truyền, quảng bá điểm đến Hà Nội trên các kênh truyền thông trong nước và quốc tế.

- Phát triển sản phẩm du lịch mới, mang tính trải nghiệm cao, sản phẩm du lịch đêm; du lịch nông nghiệp nông thôn; du lịch cộng đồng, du lịch thể thao mạo

hiếm. Đổi mới mô hình quây thông tin hỗ trợ khách du lịch ứng dụng công nghệ hiện đại, tương tác trực tiếp với khách du lịch.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý điều hành, nghiệp vụ chuyên môn cho nhân lực du lịch, chú trọng nghiệp vụ công nghệ thông tin, quản lý trực tuyến, kỹ năng ứng phó trong phòng chống dịch bệnh để giữ chân lực lượng này trong điều kiện bị tác động bởi dịch COVID-19.

- Phần đầu năm 2022, Hà Nội thu hút 9-10 triệu lượt khách (trong đó có 1,2-2 triệu lượt khách quốc tế); tổng thu từ khách du lịch đạt từ 27,8-35,8 nghìn tỷ đồng.

c) Công nghiệp

- Phục hồi nhanh hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp (CCN), cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp chủ lực (SPCNCL), tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các thiết bị y tế, bảo hộ sức khỏe, hóa dược...

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng và đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu, CCN; xây dựng hạ tầng 43 CCN đã có quyết định thành lập.

- Thu hút sự tham gia của 20-25 doanh nghiệp với 25-30 sản phẩm được công nhận SPCNCL.

- Tiếp tục phát triển công nghiệp nông thôn, sản phẩm làng nghề. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc kế hoạch chương trình khuyến công năm 2022 của Thành phố”.

- Đảm bảo các chỉ tiêu về cung cấp điện an toàn, ổn định, tin cậy. Xây dựng bộ chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ ngành điện. Số hóa cơ sở dữ liệu hệ thống điện thành phố Hà Nội.

d) Nông nghiệp

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trong đó diện tích trồng lúa chất lượng cao từ 60% trở lên; tập trung sản xuất vùng rau chuyên canh, rau an toàn quy mô từ 20-25 ha trở lên; vùng hoa, cây cảnh khoảng 7,2 nghìn ha, trong đó tập trung mở rộng đầu tư, hình thành các vùng hoa, cây cảnh tập trung, quy mô 20-50 ha trở lên ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm gắn với đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tập trung vào những con vật chủ lực: Đàn bò khoảng 133-135 nghìn con; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 10-11 nghìn tấn, sữa tươi khoảng 32-34 nghìn tấn. Thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch tả lợn châu Phi, ổn định giá thức ăn chăn nuôi; Phần đầu tổng đàn lợn khoảng 1,5-1,6 triệu con; Sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 220-230 nghìn tấn. Ổn định tổng đàn gia cầm khoảng 40 triệu con; sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 160 nghìn tấn.

- Thực hiện chuyển đổi các vùng đất trũng, thấp sang mô hình lúa – cá; Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 24,2 nghìn ha, sản lượng nuôi trồng thủy sản khoảng 122 nghìn tấn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt chương trình “Liên kết 4 nhà” và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

- Hình thành chuỗi liên kết, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài Thành phố, đồng thời kiểm soát chặt dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

3.3. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI:

- Tập trung triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính, tăng mức độ sẵn sàng thích ứng với nền sản xuất mới trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng thực hiện (i) Rà soát và nâng cao hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến, (ii) Đẩy mạnh hơn nữa việc thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử, (iii) Ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục; huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp và người dân vào xây dựng chính quyền; kết nối, chia sẻ, mở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; tập trung vào số hóa hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi nhanh sản xuất, kinh doanh. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng và thực hiện quyết liệt GPMB, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư ngay từ đầu năm.

- Phát huy hiệu quả “Tổ công tác của Thành phố Hà Nội tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị ảnh hưởng do COVID-19”.

- Triển khai hiệu quả gói tín dụng 900 tỷ đồng Ngân sách Thành phố bổ sung ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Hà Nội cho doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh và người lao động vay để phục hồi sản xuất kinh doanh, tạo việc làm.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; các chính sách ưu đãi, nhất là về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực để hỗ trợ sản xuất kinh doanh, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, khuyến công, khuyến nông, sản xuất chế biến tiêu thụ nông sản; thực hiện miễn tiền phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025.

- Rà soát các dự án đầu tư ngoài ngân sách chậm triển khai, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, các biên bản ghi nhớ đã ký tại các hội nghị xúc tiến đầu tư để đôn đốc, hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật; kiên quyết thu hồi quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án không triển khai, chậm triển khai.

HA

4. Phát triển văn hóa, xã hội; thông tin và truyền thông; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; đảm bảo sức khỏe cộng đồng và an sinh, phúc lợi xã hội

4.1. Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, thực hiện bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội; đẩy mạnh xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; 02 quy tắc ứng xử trong các cơ quan, đơn vị và nơi công cộng; giữ vững tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, nâng cao tỷ lệ tổ dân phố, thôn, làng đạt danh hiệu tổ dân phố, thôn, làng văn hóa.

- Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về công tác di sản; quản lý về cổ vật, thẩm định hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể công nhận cấp quốc gia. Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử.

- Nâng cao hiệu quả các hoạt động phát triển văn hóa đọc, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế; Tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao mang tầm quốc tế, có sức lan tỏa và các hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa, thể thao tại khu vực trung tâm Thành phố trên cơ sở phù hợp với tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Thành ủy về phát triển công nghiệp văn hóa (sau khi được phê duyệt). Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa; giữ vững vị thế dẫn đầu của thể thao thành tích cao, chuẩn bị tốt lực lượng thi đấu cũng như điều kiện cơ sở vật chất sẵn sàng cho SEA Games 31 và Para Games 11.

4.2. Đẩy mạnh phát triển thông tin và truyền thông.

- Phát triển mạnh hạ tầng thông tin (trạm BTS, mạng 5G, phủ mạng internet vùng xa trung tâm...); đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là sản xuất, kinh doanh và phòng, chống dịch bệnh; khai thác tối đa dư địa phát triển ngành thông tin và truyền thông. Triển khai địa chỉ số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hoàn thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát triển mạnh mẽ các dịch vụ tư vấn trực tuyến (hỗ trợ pháp lý, tư vấn khám chữa bệnh...); dạy học trực tuyến; thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đặc biệt là thanh toán trực tuyến...

- Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng; tăng cường quản lý thông tin trên mạng xã hội và các loại hình truyền thông trên internet.

4.3. Phát triển giáo dục và đào tạo.

- Rà soát sắp xếp mạng lưới trường lớp, hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống giáo dục trên toàn Thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và công tác quản lý giáo dục. Tiếp tục triển khai tốt việc dạy, học trực tuyến trong tình hình dịch bệnh COVID-19, đảm bảo tiến độ thời gian theo khung chương trình đã được phê duyệt.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục. Đầu tư cơ sở vật chất và tăng nguồn lực cho phát triển giáo dục. Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tích cực triển khai có hiệu

quả các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu chương trình, sách giáo khoa mới và hội nhập quốc tế về lĩnh vực giáo dục đào tạo.

- Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập tiểu học, Trung học cơ sở đúng độ tuổi mức độ 3. Tăng cường dạy ngoại ngữ và tin học, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và đổi mới dạy học.

4.4. Phát triển các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong đó tập trung hoàn thiện, ban hành: Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Đề án Sản giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội, Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, hỗ trợ áp dụng chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực...

- Nâng cao chất lượng tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường các hoạt động kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4.5. Đảm bảo sức khỏe nhân dân.

- Chủ động, sẵn sàng ứng phó nhanh, kịp thời, đáp ứng hiệu quả trước mọi diễn biến của dịch COVID-19; Tăng cường công tác tiêm chủng để phòng chống các dịch bệnh có vắc xin dự phòng.

- Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành y. Nâng cao chất lượng chuyên môn kỹ thuật, đa dạng hóa các loại hình chăm sóc và điều trị người bệnh. Hoàn thành xây dựng Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình. Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình điểm về an toàn thực phẩm.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số; Phát hiện sớm, điều trị kịp thời một số tật, bệnh bẩm sinh và chuyển hóa của trẻ sơ sinh; Mở rộng sàng lọc can thiệp giảm tỷ lệ tan máu bẩm sinh, tim bẩm sinh tại cộng đồng. Phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030, từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Hà Nội.

- Tiếp tục quản lý hành nghề y được tư nhân; triển khai, hoàn thiện bệnh án điện tử tại các đơn vị khám chữa bệnh; mở rộng phạm vi các bệnh viện tham gia triển khai Đề án khám chữa bệnh từ xa.

4.6. Đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; Đẩy mạnh giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp xã hội, các giải pháp khắc phục thiệt hại do dịch COVID-19.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả giảm nghèo bền vững. Ưu tiên nguồn lực phát triển vùng xa trung tâm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Thực hiện quyết liệt các biện pháp để giảm nợ bảo hiểm xã hội đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

RL

- Hình thành hệ thống thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thị trường lao động. Hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm Thành phố; Phân đầu giải quyết việc làm cho 160.000 lao động. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

5. Tiếp tục tăng cường quản lý và phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả tài nguyên; Bảo vệ môi trường.

5.1. Công tác quy hoạch.

- Hoàn thành và trình phê duyệt nhiệm vụ Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục triển khai thực hiện Nhiệm vụ đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại các đô thị vệ tinh, các khu chức năng, các quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị thuộc khu vực nhà nước cần tăng cường quản lý, kêu gọi đầu tư. Hoàn thành một số quy hoạch vùng huyện quan trọng; Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng (R1-5), sông Đuống (R6); Một số quy hoạch thuộc phân khu đô thị Phú Xuyên, Xuân Mai, Hòa Lạc (HL 3, 4, 5, 6)...; Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Một số đồ án Quy hoạch phân khu trong Quy hoạch chung đô thị vệ tinh Sóc Sơn, Sơn Tây; khớp nối đồng bộ quy hoạch khu vực đô thị và nông thôn; xây dựng bổ sung các quy chế quản lý kiến trúc để hoàn thiện công cụ quản lý, đảm bảo thống nhất và hiệu quả.

- Đẩy nhanh tiến độ Quy hoạch chi tiết cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ. Phân đầu hoàn thành các đồ án: Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên, Xuân Mai. Hoàn thành phê duyệt Quy chuẩn kỹ thuật quy hoạch kiến trúc tại 04 quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.

- Đối với khu vực đô thị trung tâm, đẩy nhanh việc lập thiết kế đô thị, cải tạo chỉnh trang và quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường; cải tạo các khu chung cư cũ kết hợp các chương trình tái thiết đô thị hiện hữu để tạo quỹ đất bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo phát triển đô thị, nông thôn đồng bộ, hiện đại và bền vững theo các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, quản lý cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị một cách thông minh, gìn giữ và tôn tạo các di sản văn hoá. Thực hiện tốt việc công bố công khai quy hoạch được duyệt.

- Xây dựng nông thôn theo các tiêu chí đô thị đặc biệt nhưng vẫn gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống; Quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch các làng nghề kết hợp du lịch dịch vụ, các cụm công nghiệp làng nghề và các cụm đổi mới gắn với kinh tế nông thôn và đô thị.

5.2. Phát triển nhà ở.

- Tiếp tục cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị; Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; huy động nguồn lực phát triển các không gian ngầm công cộng tại khu vực nội đô lịch sử. Kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến

KL

độ các dự án phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội đã được phê duyệt, xử lý nghiêm đối với các chủ đầu tư để dự án chậm tiến độ.

- Tổng kết đánh giá về cơ chế thí điểm đặt hàng mua nhà ở tái định cư phục vụ công tác GPMB, trên cơ sở đó có cơ chế khả thi, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nhà ở tái định cư trong thời gian tới.

- Giải quyết kịp thời dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại trong công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư.

- Phân đấu hoàn thành: Diện tích sàn xây dựng nhà ở: 1,23 triệu m²; Diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội: 0,192 triệu m²; Tổng số căn hộ nhà ở xã hội 2.630 căn. Đẩy nhanh công tác đầu tư các khu nhà ở xã hội tập trung và dự án nhà ở công nhân. Sử dụng tiền thu được từ giá trị quỹ đất 20%, 25% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Hoàn thành công tác tổng kiểm tra, rà soát kiểm định chung cư cũ, phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu Giảng Võ, Thành Công, Ngọc Khánh, Kim Liên... Chính trang 20 nhà biệt thự được xây dựng trước năm 1954. Triển khai đầu tư xây dựng một số khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch, theo giấy phép xây dựng tại các công trình, nhà ở. Đánh giá việc chuyển đổi mô hình đội quản lý trật tự xây dựng, đề xuất cơ chế quản lý, phối hợp, tổng hợp thông tin trong lĩnh vực này.

5.3. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải, logistics.

- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Phê duyệt Đồ án quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kiểm tra, rà soát phát hiện và xử lý kịp thời, từng bước giảm thiểu các điểm ùn tắc giao thông tại các khu đô thị hiện hữu và kiểm soát để hạn chế việc hình thành các điểm ùn tắc giao thông tại các khu đô thị mới phát triển. Tăng cường quản lý trật tự lòng đường, hè phố đảm bảo quyền ưu tiên dành cho người đi bộ. Phân đấu xử lý được 7-10 điểm thường xuyên ùn tắc giao thông; giảm số vụ tai nạn giao thông từ 5-10% trên cả 3 tiêu chí.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải và logistics; đẩy nhanh tiến độ dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư đường Vành đai 4. Vận hành, khai thác hiệu quả, an toàn tuyến đường sắt số 2A; đẩy nhanh tiến độ, đưa vào khai thác, vận hành tuyến đường sắt Nhôn - Ga Hà Nội.

- Mở rộng vùng phục vụ, hợp lý hóa mạng lưới các tuyến xe buýt, đa dạng hóa phương tiện xe buýt, bố trí hợp lý luồng vận tải hành khách liên tỉnh phù hợp với nhu cầu và hướng tuyến; phân đấu vận tải hành khách công cộng phục vụ 21,5-23%. Rà soát, đánh giá hiệu quả tuyến buýt nhanh BRT đã đầu tư, có phương án khai thác, sử dụng hiệu quả hơn làm cơ sở để đề xuất giải pháp đối với các tuyến BRT chưa đầu tư theo quy hoạch.

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, thẻ vé thông minh liên thông cho vận tải hành khách công cộng. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 04/2017/NQ-

HĐND ngày 04/7/2017 và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố.

5.4. Duy trì cấp nước sạch đô thị, đảm bảo thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực.

- Đầu tư phát triển mạng cấp nước và một số nhà máy sử dụng nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, nâng tổng công suất khai thác của các nhà máy nước đạt 1,72 triệu m³/ngày đêm.

- Xây dựng, cải tạo hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ nước theo quy hoạch; Tăng cường trồng mới cây xanh; Đầu tư thay thế đèn LED hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cảnh quan, mỹ thuật.

- Triển khai kế hoạch hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố giai đoạn 2021-2025, trong đó hoàn thành 80 tuyến trong năm 2022; đẩy mạnh ngầm hóa hệ thống lưới điện cao, trung, hạ thế, nhất là khu vực trung tâm căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực được phê duyệt; chỉnh trang hè, đường tại các tuyến phố trên địa bàn 12 quận.

5.5. Khai thác hiệu quả tài nguyên.

- Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế xã hội năm 2021-2025; Đấu giá đất, đảm bảo phát huy hiệu quả tiềm năng quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Xây dựng Đề án đánh giá tiềm năng, đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng, khai thác có hiệu quả quỹ đất bãi bồi ven sông.

- Xử lý các vi phạm trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất công, đất bãi bồi ven sông, đất rừng phòng hộ. Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành giao đất dịch vụ; tăng tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đất đai, nhất là cho tổ chức tôn giáo.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản. Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng,... Hoàn thành dự án xây dựng hồ sơ địa chính tổng thể và cơ sở dữ liệu đất đai.

5.6. Tăng cường bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Quyết định 71/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án về an ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường. Kiểm tra, giám sát và hậu kiểm công tác hạn chế đốt rơm rạ, chấm dứt việc sử dụng bếp than tổ ong trên địa bàn các quận/ huyện/ thị xã. Xử lý dứt điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật tại Chúc Sơn, Chương Mỹ.

- Tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt phía nam Hà Nội (núi Thoong - Chương Mỹ; Châu Can - Phú Xuyên...). Triển khai Đề án phục hồi chất lượng môi trường nước và phát triển đồng bộ hạ

tăng kỹ thuật kết hợp quy hoạch kiến trúc cảnh quan 04 con sông nội đô. Xây dựng đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy, lưu vực sông Cầu Bấy - Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021-2025.

- Đôn đốc xây dựng các khu xử lý chất thải rắn quy mô cấp huyện, liên huyện. Hoàn thành xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn 2, đưa vào hoạt động nhà máy điện rác Sóc Sơn và khởi công xây dựng Nhà máy điện rác Seraphin tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn.

- Hoàn thành xây dựng thêm 01 trạm xử lý nước thải CCN. Xây dựng kế hoạch, lộ trình khắc phục ô nhiễm môi trường từ nguồn nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường làng nghề, từng bước di chuyển các cơ sở sản xuất hộ gia đình ra các CCN làng nghề tập trung. Hoàn thành phê duyệt danh mục và triển khai thực hiện theo lộ trình cơ sở nhà, đất, cơ sở sản xuất công nghiệp phải di dời theo quy hoạch.

6. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục phát triển sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP. Phát triển mạng cấp nước và các dự án xã hội hóa cấp nước sạch nông thôn. Phấn đấu có thêm 2 huyện đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành mục tiêu 100% số huyện của Thành phố đạt chuẩn NTM; Có thêm 25 xã đạt chuẩn NTM nâng cao trở lên, 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

7. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước; Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường kỷ cương hành chính; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí; Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; Công tác thi đua, khen thưởng

- Rà soát tổng thể quy định phân cấp quản lý trong các ngành, lĩnh vực; xem xét đề xuất theo hướng đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tiếp tục cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức, bộ máy; thực hiện các nội dung thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo nghị quyết của Quốc hội. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm các đơn vị thuộc Thành phố, sắp xếp các chi cục, đơn vị sự nghiệp thuộc một số sở ngành; Rà soát, đánh giá, kiện toàn 06 Ban quản lý dự án thuộc UBND Thành phố.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, thực thi pháp luật.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PARIndex, PAPI, SIPAS. Xây dựng Văn phòng điện tử đồng bộ từ Thành phố đến sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã và xã phường, thị trấn.

- Rà soát các văn bản, quy định của Thành phố nhằm khắc phục các bất cập, trùng chéo trong các văn bản quy phạm. Hoàn thiện các quy trình phối hợp liên ngành, nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tăng cường tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc quản lý và sử dụng vốn của các dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.

- Tập trung chỉ đạo phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm, nhất là về đất đai, các vụ việc tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và Nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực.

- Quan tâm giải quyết nhu cầu chính đáng của các tôn giáo. Hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng tôn chỉ mục đích và đúng pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng; tổ chức đánh giá định kỳ tới từng cán bộ, công chức theo đề án vị trí việc làm gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ.

8. Đảm bảo quốc phòng địa phương, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

8.1. Tiếp tục đảm bảo quốc phòng thường xuyên; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc

- Chỉ đạo tổ chức tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ tại 09 quận, huyện và 02 sở ngành theo kế hoạch.

- Hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác phòng chống thảm họa, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; công tác quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; bảo quản vũ khí, trang bị kỹ thuật kịp thời, đầy đủ, đồng bộ cho các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, cứu hộ, cứu nạn.

- Thực hiện lộ trình đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, các công trình chiến đấu; xây dựng, nâng cấp trường bắn, thao trường, bãi tập, trụ sở làm việc cho Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện, xã, phường, thị trấn; mua sắm trang bị hiện đại cho lực lượng vũ trang Thủ đô.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, giáo dục quốc phòng - an ninh, đối ngoại quân sự...

8.2. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn Thủ đô.

- Đảm bảo an ninh trên các lĩnh vực, tổ chức đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; nắm tình hình, giải quyết kịp thời các vụ việc tranh chấp khiếu kiện phức tạp, tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự ngay từ cơ sở, không để phát sinh thành "điểm nóng". Tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về trật tự, an toàn xã hội ngay từ cơ sở, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội; tập trung vào các loại tội phạm liên quan đến hoạt động "tín dụng đen"; tội phạm giết người; tội phạm xâm phạm sở hữu (cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản...), đánh bạc... Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Quản lý chặt các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

RL

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự: Tiếp tục thực hiện 02 dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân gắn chip điện tử. Tập trung xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là đối với các lỗi vi phạm là nguyên nhân chính, trực tiếp dẫn đến ùn, tắc và tai nạn giao thông. Tăng cường quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về phòng cháy chữa cháy; xây dựng phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ sâu rộng, gắn với phương châm “bốn tại chỗ”.

8.3. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước. Chủ động thích ứng an toàn với dịch bệnh trong điều kiện mới. Nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương, duy trì và phát huy vai trò của Hà Nội tại các diễn đàn quốc tế. Tập trung triển khai có hiệu quả các cam kết, thỏa thuận với đối tác quốc tế đã được ký kết; thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực phù hợp với thế mạnh, tiềm năng của đối tác và nhu cầu, định hướng của Thành phố. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác lãnh sự đối với cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố và phối hợp triển khai có hiệu quả công tác đối với người nước ngoài.

9. Tích cực thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

- Tập trung thông tin tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, nhất là thông tin, truyền thông kịp thời về tình hình, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19, các chính sách phục hồi, phát triển kinh tế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh thúc đẩy sản xuất, kinh doanh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, các Ban của HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các cơ quan thông tin, truyền thông và nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2022 và tạo đà cho những năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã căn cứ Chương trình hành động này và Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu, chi ngân sách năm 2022, theo chức năng nhiệm vụ được giao:

- Khẩn trương xây dựng kịch bản tăng trưởng, kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Cử một cán bộ phụ trách trực tiếp làm đầu mối để trao đổi, cập nhật thông tin và gửi báo cáo theo yêu cầu tiến độ đề ra. Kế hoạch của đơn vị kèm thông tin về cán bộ phụ trách gửi về UBND Thành phố qua Văn phòng UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 25/01/2022** để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp trong Chương trình đề ra, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố về việc triển khai Chương trình hành động theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường phối hợp thực hiện giữa các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Ban của Đảng, HĐND, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thể các cấp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua và nêu trong Chương trình hành động.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và tổng hợp báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện: Nhiệm vụ chung của Chương trình hành động; Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 04; Chỉ tiêu HĐND Thành phố quyết nghị tại Phụ lục 01a,b; Chỉ tiêu phát triển ngành, lĩnh vực tại Phụ lục 03; Tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và cả năm về kết quả thực hiện, tồn tại, hạn chế và khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ, đề xuất kiến nghị gửi UBND Thành phố qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo tiến độ như sau (trường hợp báo cáo gấp sẽ có văn bản yêu cầu riêng):

- + Báo cáo tháng gửi trước ngày **18 hàng tháng**;
- + Báo cáo quý I gửi trước ngày **18/3**;
- + Báo cáo quý II và 6 tháng gửi trước ngày **01/6**;
- + Báo cáo quý III và 9 tháng gửi trước ngày **18/9**;
- + Báo cáo năm 2022 gửi trước ngày **18/10/2022**.

2. Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát tổng thể quy định phân cấp đối với ngành, lĩnh vực phụ trách, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố; rà soát tổng thể quy định về ủy quyền, chủ trì tham mưu UBND Thành phố đẩy mạnh ủy quyền đối với từng ngành, lĩnh vực phụ trách theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Văn phòng UBND Thành phố chủ trì:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố phục vụ chuyển đổi số;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tham mưu Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung (Văn phòng điện tử) của Thành phố, thống nhất bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử phục vụ hoạt động của các cấp chính quyền Thành phố và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia;

- Phối hợp với Cục Thống kê Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội và các đơn vị liên quan tham mưu Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- Giám sát tiến độ và đôn đốc báo cáo của các đơn vị định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm về kết quả thực hiện Chương trình hành động gửi UBND Thành phố

theo quy định, đồng gửi Ban thi đua khen thưởng làm căn cứ để đề xuất thi đua, khen thưởng năm 2022 của các đơn vị.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế đô thị, Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức quán triệt, phổ biến Chương trình hành động của Thành phố sâu rộng trong các ngành, các cấp; tăng cường thông tin, tuyên truyền vận động để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

6. Giao Ban thi đua - Khen thưởng Thành phố căn cứ tình hình thực hiện Chương trình hành động này của các ngành, cấp, các đơn vị gắn với trách nhiệm người đứng đầu làm tiêu chí đánh giá thi đua năm 2022.

7. UBND Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các đoàn thể Thành phố chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện mục tiêu phát triển KTXH theo các Nghị quyết: số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022, số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các giải pháp điều hành của Thành phố tại Chương trình./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- VP CP; Bộ KHĐT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP Hà Nội;
- Đ/c CT, PCT UBND TP;
- Ban TG TU, các ban HĐND TP;
- Các Sở, Ban, ngành; Thường trực cấp ủy và HĐND, UBND các quận, huyện, Thị xã;
- Các Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TP;
- UBMTTQ, các Đoàn thể;
- Các báo: HNM, KTĐT; Đài PT&TH HN;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KT. *AK*

120

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Chu Ngọc Anh





Phụ lục 01a: Chỉ tiêu KTXH theo Nghị quyết của HĐND Thành phố yêu cầu chế độ báo cáo 6 tháng và năm 2022
(Kèm theo Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2021	Năm 2021	KH 2022	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
A	NHÓM CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	7.5	2.92	7,0-7,5	Sở KH&ĐT; Cục T.Kê HN
	Trong đó:					
	- Dịch vụ	%	7.5	2.71	7,1-7,7	Sở KH&ĐT; Cục T.Kê HN
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4.3	2.19	4,50-4,52	Cục Thống kê HN
	- Công nghiệp và xây dựng	%	9.6	3.85	8,37-8,83	
	+ Công nghiệp	%	9.0	5.37	7,3-7,8	Sở CT; Cục T.Kê HN
	+ Xây dựng	%	10.5	1.37	10,2-10,6	Sở Xây dựng; Cục T.Kê HN
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3.0	3.46	2,5-3,0	Sở NN&PTNT; Cục T.Kê HN
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	135	128.2	139-141	Sở KH&ĐT; Cục T.Kê HN
3	Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển xã hội	%	12.0	-0.8	10.00	
4	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	5.0	0.9	5.0	Sở Công thương; Cục T.Kê HN
5	Chỉ số giá tiêu dùng	%	< 4	1.77	< 4	
6	Thu, chi ngân sách Nhà nước					
6.1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	251,321.0	265,771	311,650.7	Sở Tài chính
6.2	Chi ngân sách Nhà nước địa phương	Tỷ đồng	108,593.0	84,773.9	106,925.9	
B	NHÓM CHỈ TIÊU XÃ HỘI					
7	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước	%	0.1	0.1	0.1	
8	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân so với năm trước	%	0.1	0.1	0.1	Sở Y tế
9	Duy trì tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	100	
10	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	91.5	91.8	92.5	
11	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động:	%	40.0	40.3	41.5	
	- BHXH bắt buộc	%	39.0	39.0	40.0	BHXH TP HN
	- BHXH tự nguyện	%	1.0	1.3	1.5	
12	Tỷ lệ lao động tham gia Bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	37.0	37.1	37.5	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2021	Năm 2021	KH 2022	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
13	Giảm số hộ nghèo theo chuẩn mới của Thành phố so với năm trước	%	30.0	30.0	20.0	Sở LĐ,TB&XH; Cục T.Kê HN
14	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4	3.97	< 4	
15	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%	71.5	71.1	72.2	
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	50.5	50.2	51.2	
16	Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	85	75	70	Sở GD&ĐT
17	Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	%	88.0	88.0	88.0	Sở VH&TT
18	Tỷ lệ thôn (làng) được công nhận và giữ vững danh hiệu "Làng văn hóa"	%	62.0	62.0	63.0	
19	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu "Tổ dân phố văn hóa"	%	72.0	72.0	72.5	
C	NHÓM CHỈ TIÊU ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN, MÔI TRƯỜNG					
20	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch					Sở Xây dựng
	Trong đó: + Khu vực đô thị	%	100.0	100.0	100.0	
	+ Khu vực nông thôn	%	85.0	80.0	85.0	
21	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển trong ngày					
	Trong đó: + Khu vực đô thị	%	100.0	100.0	100.0	
	+ Khu vực nông thôn	%	100.0	100.0	100.0	
22	Xử lý ô nhiễm môi trường					Sở Công thương
22.1	Tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng					
	- Đối với CCN xây dựng mới	%	100.0	100.0	100.0	
	- Đối với CCN, CCN làng nghề đã đi vào hoạt động	%	95.0	92.5	95.0	
22.2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100.0	100.0	100.0	Sở TNMT
22.3	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100.0	100.0	100.0	Sở Y tế
22.4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	28.8	28.8	28.8	Sở Xây dựng
23	Số xã nông thôn mới:	Xã	14	14		Sở NN&PTNT
	- Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM nâng cao tăng thêm	Xã	20	15	25	
	- Số xã được công nhận đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu tăng thêm	Xã	5	5	15	
D	CHỈ TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN					
24	Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp	Người	144,386		144,574	Sở Nội vụ
	- Tổng biên chế hành chính	Người	9,003		11,639	
	- Tổng biên chế sự nghiệp	Người	135,383		132,935	

Phụ lục 01b: Chỉ tiêu KTXH khối quận, huyện, thị xã yêu cầu chế độ báo cáo 6 tháng và năm 2022
Kèm theo Chương trình số 02/CT-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	K1 2022	Khu vực																Chú thích
				Bắc	Bắc Trung	Đông Bắc	Đông	Đông Nam	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	Đông	
1	Ghi nhận và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
2	Ghi nhận và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
3	Ghi nhận và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
4	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	92,5	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
5	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	40,0	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
6	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
7	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
8	Ghi nhận và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
9	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
10	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	63,0	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
11	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	72,5	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
12	Số trường hợp vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	trường	70	1	2	2	4	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
13	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
14	Tỷ lệ báo cáo vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	85	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
15	Số trường hợp vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
16	Số trường hợp vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế
17	Số trường hợp vi phạm pháp luật về an ninh trật tự	%	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	Vấn bản số 21400/ST-ATTC ngày 06/12/2021 của Sở Y tế

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp nhất chương trình nông thôn mới của Chính phủ, tham mưu UBND Thành phố phân bổ, giao chỉ tiết cho các đơn vị thực hiện



Phụ lục 02: Kịch bản tăng trưởng năm 2022 theo từng quý
 (Kèm theo Chương trình số 62/CTr-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: %

TT	Chỉ tiêu	Kịch bản tăng trưởng năm 2022				
		Q I	Q II	Q III	Q IV	Cả năm
	GRDP	5.7 - 6.2	6.4 - 6.9	8.7 - 9.5	7.1 - 7.5	7.0 - 7.5
1	Dịch vụ	5.8 - 6.3	6.7 - 7.2	8.8 - 9.8	7.3 - 7.6	7.1 - 7.7
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4.0 - 4.1	4.2 - 4.2	5.2 - 5.3	4.6 - 4.6	4.5 - 4.5
3	Công nghiệp, xây dựng	7.2 - 7.6	7.5 - 8.0	10.6 - 11.1	8.1 - 8.5	8.4 - 8.8
	+ Công nghiệp	7.1 - 7.5	7.1 - 7.7	8.0 - 8.5	7.0 - 7.4	7.3 - 7.8
	+ Xây dựng	7.3 - 7.6	8.2 - 8.5	15.5 - 16.0	9.5 - 9.9	10.2 - 10.6
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1.9 - 2.8	1.7 - 2.1	2.1 - 2.7	4.1 - 4.3	2.5 - 3.0

TT	Chỉ tiêu	Tăng trưởng năm 2021				
		Q I	Q II	Q III	Q IV	Cả năm
	GRDP	6.43	5.63	-6.89	6.69	2.92
1	Dịch vụ	6.15	5.59	-7.66	6.84	2.71
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	6.31	3.19	-3.98	2.92	2.19
3	Công nghiệp, xây dựng	7.9	7.42	-6.79	8.04	3.85
	+ Công nghiệp	7.9	7.43	-1.03	7.86	5.37
	+ Xây dựng	7.89	7.41	-16.04	8.3	1.37
4	Nông nghiệp	3.49	3.08	2.34	4.55	3.46





Phụ lục 03: Chỉ tiêu phát triển KTXH yêu cầu chế độ báo cáo hằng tháng, quý, 6 tháng và năm 2022 *
 (Kèm theo Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo
I	Phát triển kinh tế								
1	GRDP (giá hiện hành)	1.000 tỷ đồng	1,067.6	1.182,3- 1.195,0				Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê HN	BC năm
2	Cơ cấu GRDP	%							
-	Dịch vụ	%	62.74	62,5-63					
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11.00	10,5-11,5					
-	Công nghiệp - xây dựng	%	23.99	23,5-24					
+	Công nghiệp	%	-					Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	
	Tr.đó, Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	-						
+	Xây dựng	%	-					Sở Xây dựng; Cục Thống kê HN	BC quý, 6 tháng, năm
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2.27	2,0-2,5				Sở Nông nghiệp và PTNT; Cục Thống kê HN	
3	GRDP (giá cố định)	1.000 tỷ đồng	709.2	758,8- 762,4				Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê HN	
4	Tăng trưởng GRDP	%	2.92	7,0-7,5					
-	Dịch vụ	%	2.71	7,1-7,7					
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	2.19	4,5-4,52				Cục Thống kê HN	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	3.85	8,37-8,83					
+	Công nghiệp	%	5.37	7,3-7,8				Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	BC quý, 6 tháng, năm
+	Xây dựng	%	1.37	10,2-10,6				Sở Xây dựng; Cục Thống kê HN	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3.46	2,5-3,0				Sở Nông nghiệp và PTNT; Cục Thống kê HN	
5	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đồng	410.1	451.1					
-	Khu vực nhà nước	1.000 tỷ đồng	140.9					Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê HN	
-	Khu vực ngoài nhà nước	1.000 tỷ đồng	218.6						

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo
-	Khu vực đầu tư nước ngoài	1.000 tỷ đồng	50.6						
6	Tỷ trọng vốn đầu tư xã hội/GRDP	%	38.4	38.2				Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê HN	BC năm
7	Đầu tư nước ngoài							Sở Kế hoạch và Đầu tư	BC tháng
-	Số dự án	Dự án	510						
-	Số vốn	Triệu USD	1,524	2.800-3.000					
8	Thu hút đầu tư trong nước								
-	Số dự án được cấp mới	Dự án	21						
-	Số vốn	1.000 tỷ đồng	23.85	23-25					
9	Phát triển doanh nghiệp (DN)								
9.1	GCN đăng ký DN								
-	Số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	24,119	> 25.300					
-	Số vốn	1.000 tỷ đồng	345.72	> 350					
9.2	Số DN giải thể	Doanh nghiệp	3,075						
9.3	Số DN tạm dừng hoạt động	Doanh nghiệp	13,148						
9.3	Số DN hoạt động trở lại	Doanh nghiệp	10,922						
10	Tín dụng ngân hàng							Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP HN	BC tháng
-	Vốn huy động của các tổ chức tín dụng	1.000 tỷ đồng	4,251.25						
-	Tổng dư nợ	1.000 tỷ đồng	2,462.18						
11	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	265.77	311.65				Sở Tài chính	
-	Thu nội địa	1.000 tỷ đồng	241.19					Cục Thuế HN	
	+ Riêng thu tiền sử dụng đất và đấu giá đất	1.000 tỷ đồng	-					Cục Thuế HN, Sở Tài nguyên và MT	
-	Thu từ dầu thô	1.000 tỷ đồng	1.97					Cục Thuế HN	
-	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.000 tỷ đồng	22.60					Cục Hải quan HN	
12	Chi ngân sách địa phương	1.000 tỷ đồng	84.77	106.93				Sở Tài chính	
-	Chi đầu tư phát triển	1.000 tỷ đồng	38.88					Sở Kế hoạch và Đầu tư	
-	Chi thường xuyên	1.000 tỷ đồng	45.43					Sở Tài chính	
-	Chi khác	1.000 tỷ đồng	0.46					Sở Tài chính	
13	Sản lượng điện thương phẩm	Tỷ kWh	20.67	21,94 - 22,25				Sở Công Thương	BC năm

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo
14	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	1.000 tỷ đồng	558.1	602,7- 608,3				Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	BC tháng
15	Chỉ số giá tiêu dùng, %							Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	
	- Tháng 12 so tháng trước	%	-0.21						
	- Tháng 12 so cùng kỳ	%	2.55						
	- CPI bình quân so với cùng kỳ	%	1.77	<4					
16	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	15,976	18,800				Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	
17	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	35,045	36,750				Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	
18	Khách du lịch	Triệu lượt	4	9-10				Sở Du lịch; Cục Thống kê HN	
	- Khách quốc tế	Nghìn lượt	-	1,2-2,0					
	- Khách nội địa	Nghìn lượt	-						
	<i>Trong đó có lưu trú</i>		1,473						
	- Khách quốc tế	Nghìn lượt	216						
	- Khách nội địa	Nghìn lượt	1,297						
19	Tổng thu từ khách du lịch	1.000 tỷ đồng	11.28	27,8-35,8					BC 6 tháng, năm
20	Công suất sử dụng phòng trung bình của cơ sở lưu trú, khách sạn	%	22.9						
21	Tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	127,754					Sở Giao thông vận tải; Cục Thống kê HN	BC tháng
22	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	4.8					Sở Công Thương; Cục Thống kê HN	
23	Diện tích đất trồng lúa	1.000 ha	101.05					Sở Tài nguyên và MT; Cục Thống kê HN	
24	Diện tích cây trồng hằng năm								BC theo vụ
	- Lúa (2 vụ)	1.000 ha	162.07	155-157					
	- Ngô	1.000 ha	13.18						
	- Khoai	1.000 ha	1.61						
	- Đậu tương	1.000 ha	1.92						
	- Rau	1.000 ha	32.70	32,5-33					
25	Sản lượng cây trồng hằng năm, tấn								

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo	
	- Lúa	Tấn	984,343					Sở Nông nghiệp và PTNT; Cục Thống kê HN		
	- Ngô	Tấn	69,741							
	- Khoai	Tấn	15,312							
	- Đậu tương	Tấn	3,576							
	- Rau	Tấn	723,274							
26	Đàn gia súc, gia cầm, con									BC quý, 6 tháng, năm
	- Trâu	Nghìn con	27.5							
	- Bò	Nghìn con	130.5	133-135						
	- Lợn	Triệu con	1.37	1,5-1,6						
	- Gia cầm	Triệu con	39.9	40.0						
27	Sản lượng, tấn									
	- Thịt trâu hơi	1.000 tấn	1.87							
	- Thịt bò hơi	1.000 tấn	10.61	10-11						
	- Thịt lợn hơi	1.000 tấn	228.31	220-230						
	- Thịt gia cầm	1.000 tấn	164.63	> 160						
	- Trứng gia cầm	Triệu quả	2,564	> 2.500						
	- Sữa bò tươi	1.000 tấn	38.67	33-35						
28	Thủy sản									
	- Diện tích nuôi, ha	Ha	24,000	> 24.200						
	- Sản lượng nuôi, tấn	Nghìn Tấn	119.4	> 122						
29	Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC trên tổng sản phẩm nông nghiệp	%	38.0					Sở Nông nghiệp và PTNT	BC năm	
30	Tổng số HTX	HTX	2,229	2,294				Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê HN		
	- Đang hoạt động	HTX	1,879	1,964						
	- Hoạt động hiệu quả	HTX	1,287	1,394						
31	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	-					Sở Khoa học và Công nghệ		
II	Phát triển văn hóa, xã hội									
32	Dân số	1.000 người	8,330.8	8,480				Cục Thống kê HN	BC năm	
33	Số hộ dân	1.000 hộ	-					Cục Thống kê HN		
34	Tỷ suất sinh thô	‰	0.10					Sở Y tế		
35	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	91.80	92.5						

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo
36	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	37.10	37.5				BHXH thành phố HN	BC quý, 6 tháng, năm
37	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động:	%	40.30	41.5					
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc	%	39.00	40.00					
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện	%	1.30	1.50					
38	Số trường học, học sinh							Sở Giáo dục và Đào tạo	BC năm học
38.1	Trường học (MN,TH,THCS,THPT,CN)	Trường	2,835						
	- Công lập	Trường	2,237						
	- Ngoài công lập và hiệp quán	Trường	598						
38.2	Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1,730						
	- Công lập	Trường	1,695	1,770					
	- Ngoài công lập và hiệp quán	Trường	35						
38.3	Học sinh	1.000 Học sinh	2,206,906						
	- Công lập	1.000 Học sinh	1,832,847					Sở Lao động TB&XH; Cục Thống kê HN	BC năm
	- Ngoài công lập và hiệp quán	1.000 Học sinh	321,298						
39	Lao động được giải quyết việc làm	1.000 lao động	160	160					
40	Số lao động trong nền kinh tế	1.000 lao động	4,171.5						
III Phát triển đô thị									
41	Trồng mới cây xanh đô thị	cây	104,844					Sở Xây dựng	BC 6 tháng, năm
42	Tổng công suất nguồn cấp nước	1000 m3/ng.đ	1,520	1,720					
43	Tỷ lệ đô thị hóa	%	49.2						BC năm
44	Diện tích sàn xây dựng nhà ở	Triệu m2	0.55	1.23					
	- Diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội	Triệu m2	0.09	0.19				Sở Giao thông vận tải	
45	Tổng công suất nước sạch	1000 m3/ng.đ	1,520	1,720					
46	Số km đường giao thông (các cấp) tăng thêm	Km	-						
47	Tỷ lệ vận chuyển HKCC	%	14.85	21,5-23					
IV Lĩnh vực nội chính									
48	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	%	-					Văn phòng UBND TP	BC quý, 6 tháng,
49	Chỉ số PCI	/63	-					Sở Kế hoạch và Đầu tư	
50	Chỉ số PAPI	/63	-						

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2021	KH 2022	BC TH Tháng 01	BC TH Tháng 02	...	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Chế độ Báo cáo
51	Chỉ số SIPAS	/63	-					Sở Nội vụ	năm
52	Chỉ số PAR Index	/63	-						
53	An ninh, trật tự								
-	Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	827						
+	Số người chết	Người	350						
+	Số người bị thương	Người	547						
-	Số vụ cháy, nổ	Vụ	355						
+	Số người chết	Người	12						
+	Số người bị thương	Người	23						
+	Tổng số thiệt hại vật chất	Tỷ đồng	27						
-	Số vụ tội phạm về trật tự xã hội		3,873						
+	Tỷ lệ điều tra khám phá án	%	87						
-	Số vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	Vụ	255						
+	Tỷ lệ khám phá nhanh	%	99						
	...								

Ghi chú *: Yêu cầu báo cáo thực hiện (BC TH) chỉ tiêu của tháng này phải đồng thời cập nhật số liệu thực hiện của tháng trước

Phụ lục 04: Danh mục nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

(Kèm theo Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 15/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
I	LĨNH VỰC KINH TẾ (31 nhiệm vụ)	KT						
1	Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	KT	Văn phòng UBND Thành phố	Cục Thống kê Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Viện Nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội và các đơn vị liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý II	
2	Xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tập trung của Thành phố (Văn phòng điện tử), thống nhất bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử phục vụ hoạt động của các cấp chính quyền Thành phố và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia	KT	Văn phòng UBND Thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV	
3	Kế hoạch thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố, HĐND Thành phố, Thành ủy, BTV Thành ủy	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I, II	
4	Rà soát tổng thể quy định phân cấp quản lý trong các ngành, lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2021 của Chính phủ	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I, II	
5	Trình phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố	CT UBND TP Chu Ngọc Anh Các PCT UBND TP: Dương Đức Tuấn, Hà Minh Hải	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
6	Tổ chức Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phương án tổ chức lập Quy hoạch	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư - Viện nghiên cứu phát triển KTXH	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Năm 2022, 2023	Sở KH&ĐT tham mưu UBND Thành phố phương án tổ chức lập Quy hoạch trong Quý I, II/2022
7	Kế hoạch đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp các cơ sở y tế, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa và Thể thao và UBND các quận, huyện, thị xã	Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I, II	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
8	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế, Cục Hải quan; Công an Thành phố; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
9	Đề án/Kế hoạch đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển (kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông...)	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Công Thương, Văn hóa Thể thao, Giáo dục và Đào tạo; Cục Thuế; Cục Hải quan; Các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã liên quan	UBND Thành phố	Các PCT phụ trách lĩnh vực	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
10	Đẩy nhanh thủ tục đầu tư xây dựng một số trung tâm thương mại (AeonMall Hoàng Mai, Outlet Đông Anh...)	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
11	Kế hoạch tổng thể rà soát toàn bộ các dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án có vốn đầu tư nước ngoài, biên bản ghi nhớ đã ký tại các hội nghị xúc tiến đầu tư; tổ chức đánh giá, phân loại, đôn đốc, hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và khai thác tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
12	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
13	Quyết định của UBND Thành phố về một số nội dung quản lý dự án đầu tư kinh doanh có sử dụng đất của Thành phố Hà Nội	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, và đơn vị liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
14	Rà soát, đề xuất địa điểm hình thành Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý III	
15	Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ giai đoạn 2022-2025	KT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ngành liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý III	
16	Sửa đổi Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND quy định về lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội	KT	Sở Tài chính	Sở Tư pháp	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
17	Kế hoạch chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hà Nội quản lý sang tự chủ tài chính giai đoạn 2021-2025	KT	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý I	
18	Phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác dùng chung	KT	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV	
19	Tổ chức triển khai Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đúng quy định	KT	Sở Tài chính	Các sở, ngành là thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Năm 2022	Chuyển tiếp từ 2021, Ctr UBND 277
20	Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công	KT	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Năm 2022	Chuyển tiếp từ 2021, Ctr UBND 277
21	Kế hoạch hướng dẫn, xây dựng và phát triển Trung tâm Thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố giai đoạn đến năm 2025	KT	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
22	Kế hoạch triển khai lắp đặt máy bán hàng tự động tại địa điểm công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025	KT	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
23	Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn thành phố Hà Nội	KT	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố; HĐND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	Báo cáo UBND Thành phố vào tháng 3/2022; Trình HĐND Thành phố ban hành vào kỳ họp giữa năm 2022
24	Sửa đổi "Tiêu chí đánh giá xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực" ban hành kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND Thành phố phê duyệt Đề án Phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng tới năm 2025	KT	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý II	
25	Quyết định sửa đổi Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội	KT	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý III	
26	Nghị quyết quy định một số khoản thu phí trên địa bàn Thành phố Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội	KT	Cục Thuế	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý II	
27	Quy chế cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, hộ kinh doanh từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội TP Hà Nội	KT	Ngân hàng Chính sách xã hội TP Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền, Hà Minh Hải	Quý I	KH UB 246 ngày 01/11/2021

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
28	Đề án phát triển kinh tế đô thị Thành phố Hà Nội (5053/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 phê duyệt đề cương nhiệm vụ)	KT	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV	Chuyển tiếp từ 2021; CTr TU 03; CTr UBND 277
29	Nghiên cứu xây dựng các giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn trên địa bàn thành phố Hà Nội	KT	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	
30	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội.	KT	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV	
31	Đề án thí điểm xây dựng mô hình phát triển kinh tế đêm tại quận Hoàn Kiếm.	KT	UBND quận Hoàn Kiếm	Các Sở, Ban, ngành liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý II	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
II	LĨNH VỰC ĐÔ THỊ (39 nhiệm vụ)	ĐT						
32	Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	ĐT	Viện Quy hoạch Xây dựng	Bộ, ban, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Chủ tịch UBND TP; PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	
33	Hoàn thành phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng (R1-5), sông Đuống (R6).	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD Hà Nội, các sở, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
34	Hoàn thành phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD Hà Nội, các sở, ngành; địa phương liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
35	Hoàn thành một số quy hoạch phân khu tại các đô thị vệ tinh	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	UBND các huyện; sở ngành liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022	
36	Hoàn thành một số quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn Thành phố	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD Hà Nội, các sở, ngành; địa phương liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
37	Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố Hà Nội đề năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	
38	Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên (khu 1, 2, 3).	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD, các sở, ngành; địa phương liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý III	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
39	Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 1,2,3)	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD, các sở, ngành; địa phương liên quan	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý III	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
40	Một số quy hoạch phân khu trên địa bàn thị xã Sơn Tây	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD, các sở, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
41	Hoàn thành Quy hoạch phân khu đô thị Hòa Lạc (HL 3,4,5,6).	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Viện QHXD, các sở, ngành; địa phương liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2021
42	Quy định về cách tính dân số, số người/căn hộ trong các loại hình nhà ở chung cư, chung cư hỗn hợp.	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	110/TB-VP ngày 08/3/2021 của Văn phòng UBND Thành phố
43	Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung bộ quy chuẩn địa phương về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố.	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	CTr TU 05
44	Đề án "Quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc cảnh quan các huyện của thành phố Hà Nội - Thực trạng và giải pháp"	ĐT	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	
45	Đưa vào vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát điện 4000 tấn/ngày tại Nam Sơn, huyện Sóc Sơn.	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021
46	Khởi công nhà máy đốt rác, phát điện 1500 tấn/ngày tại Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây.	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021
47	Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021; CTr UB 277; Ctr TU số 03
48	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu, xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa...	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021; CTr UB 277; Ctr TU số 05
49	Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội năm 2022	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	
50	Quy định về cải tạo xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý I	
51	Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022 và các năm tiếp theo	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	
52	Quy trình bàn giao, tiếp nhận, bố trí và bán nhà tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	
53	Kế hoạch rà soát, kiểm tra đánh giá 1.219 biệt thự và tổ chức kiểm định các biệt thự đã xuống cấp, nguy hiểm	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022	
54	Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2040	ĐT	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022	
55	Đề án thành lập trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật của Thành phố	ĐT	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
56	Xây dựng phương án vé liên thông đa phương thức cho hệ thống Vận tải hành khách công cộng thành phố Hà Nội	ĐT	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	
57	Rà soát, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách tiếp tục trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội	ĐT	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	Chuyển tiếp từ năm 2021
58	Xây dựng định mức đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt điện trên địa bàn Thành phố;	ĐT	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý III	
59	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với đường sắt đô thị số 2A	ĐT	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	
60	Xây dựng đề án giao thông thông minh trong thành phố thông minh	ĐT	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Chuyển tiếp từ năm 2021
61	Đề án thành lập khu công nghệ cao sinh học Hà Nội, quận Bắc Từ Liêm	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021
62	Rà soát quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
63	Đề án thực hiện nhiệm vụ về công tác quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
64	Triển khai thực hiện Đề án thành lập 02 đến 05 khu công nghiệp mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022	
65	Triển khai thực hiện dự án hạ tầng KCN sạch Sóc Sơn	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương		PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022	
66	Triển khai thực hiện dự án hạ tầng KCN Bắc Thường Tín và KCN Đông Anh sau khi có chấp thuận chủ trương đầu tư của Chính phủ	ĐT	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	Các sở, ngành, địa phương		PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
67	Dự án tuyến Đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội (<i>Hoàn thành thủ tục để vận hành đoạn trên cao; Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đoạn trên cao; Điều chỉnh Nghị định thư và thỏa ước vay với các nhà tài trợ EIB và DGT và ký Hợp đồng vay lại, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án cho toàn tuyến</i>)	ĐT	Ban Quản lý đường sắt đô thị	Các thành viên thuộc Tổ Công tác liên ngành	UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Chuyển tiếp từ 2021
68	Dự án tuyến đường sắt đô thị thành phố Hà Nội tuyến số 2, đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo (điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án)	ĐT	Ban Quản lý đường sắt đô thị	UBND Thành phố, Các bộ ngành liên quan, Sở GTVT và các sở ngành liên quan	Văn phòng Chính phủ, UBND Thành phố	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II	Chuyển tiếp từ 2021
69	Tuyến đường sắt đô thị số 3 đoạn ga Hà Nội - Hoàng Mai (phê duyệt đề xuất dự án sử dụng vốn ODA; phê duyệt chủ trương dự án HTKT “Chuẩn bị dự án tuyến 3.2”)	ĐT	Ban Quản lý đường sắt đô thị	Bộ KH&ĐT, Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GTVT	Thủ tướng Chính phủ	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý III	Chuyển tiếp từ 2021
70	Tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao - Hòa Lạc) (Tổ chức thẩm tra thẩm định BCNCTKT trình xin chủ trương đầu tư.)	ĐT	Ban Quản lý đường sắt đô thị	Các Sở: GTVT, KH&ĐT, Tài Chính	Hội đồng thẩm định nhà nước, Chính Phủ, Quốc Hội	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV	Chuyển tiếp từ 2021
III	PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (6 nhiệm vụ)	NN						
71	Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP năm 2022	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
72	Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
73	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
74	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
75	Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò, giai đoạn 2022-2030	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
76	Kế hoạch phòng, chống bệnh dại động vật, giai đoạn 2022-2030	NN	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	
IV	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH (20 nhiệm vụ)	VH						

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
77	Kế hoạch thực hiện các sáng kiến gia nhập Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO, giai đoạn 2021-2025	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
78	Kế hoạch, kịch bản Lễ Khai mạc, Bế mạc SEA GAMES 31	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
79	Kế hoạch đào tạo vận động viên thành tích cao trọng điểm các môn Olympic và Asiad thành phố Hà Nội	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
80	Kế hoạch xây dựng cơ chế thu hút nhân tài Thể dục thể thao Thủ đô giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
81	Kế hoạch triển khai Nghị quyết về phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2045	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
82	Kế hoạch tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
83	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, thể thao của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
84	Kế hoạch, kịch bản Lễ Khai mạc, Bế mạc Đại hội Thể dục thể thao Thành phố	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
85	Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại giai đoạn 2022-2025	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
86	Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia giai đoạn 2022-2025	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
87	Kế hoạch nâng cao công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	Chuyển tiếp từ năm 2021
88	Nghị quyết mức chi giải thưởng các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, và các giải thể thao quần chúng do thành phố Hà Nội đăng cai, tổ chức và tham gia các giải thể thao quần chúng khu vực, toàn quốc	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
89	Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội trên nền tảng kỹ thuật công nghệ 4.0	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	
90	Nghị quyết xây dựng chính sách hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể Thành phố Hà Nội.	VH	Sở Văn hóa và Thể thao	Các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
91	Triển khai Chương trình tuyên truyền, quảng bá điểm đến Hà Nội trên kênh truyền hình VTV và kênh truyền hình Hanoi TV	VH	Sở Du lịch	Đài truyền hình Việt Nam; Đài PT-TH Hà Nội; các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý I	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
92	Chương trình hợp tác tuyên truyền, quảng bá thành phố Hà Nội trên kênh truyền hình CNN quốc tế năm 2022	VH	Sở Du lịch	Trung tâm xúc tiến ĐTTMDL; các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý II	
93	Kế hoạch liên kết, kết nối các tỉnh, thành phố xây dựng sản phẩm du lịch an toàn giữa các địa phương, các điểm đến trong cả nước. Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng đón khách quốc tế khi dịch bệnh được kiểm soát. Tổ chức Hội nghị liên kết, phát triển du lịch MICE thành phố Hà Nội	VH	Sở Du lịch	Tổng cục du lịch; Sở VH-TDL, Sở du lịch các tỉnh, thành phố; Hiệp hội du lịch; Câu lạc bộ du lịch; các đơn vị liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý III	
94	Kế hoạch tổ chức các hoạt động, chương trình, sự kiện, lễ hội du lịch chuyên nghiệp, độc đáo, hấp dẫn, tiến tới xây dựng thành các sự kiện thường niên, có tính tiêu biểu của Thành phố (Chương trình Du lịch Hà Nội chào năm mới 2022, Lễ hội Du lịch - Văn hóa ẩm thực, Lễ hội Quà tặng Du lịch, Festival Áo dài Hà Nội)	VH	Sở Du lịch	Trung tâm Xúc tiến ĐTTMDL; Sở Văn hóa và Thể thao, các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022	
95	Đề án chuyển đổi số trong ngành du lịch Hà Nội (Đổi mới mô hình quầy thông tin hỗ trợ du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, tương tác trực tiếp với khách du lịch. Tiếp tục thực hiện số hóa các điểm đến du lịch trong hệ thống giới thiệu du lịch chung bằng giao diện ảnh 360, 3D, FLYCAM, công nghệ thực tế ảo)	VH	Sở Du lịch	Tổng cục du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm XTĐTTMDL; các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022	Chuyển tiếp từ năm 2021
96	Giải pháp phát huy các nguồn lực văn hóa của Hà Nội trong phát triển thương hiệu “Thành phố sáng tạo”.	VH	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (10 nhiệm vụ)	GD						
97	Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội năm học 2022-2023	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	
98	Nghị quyết quy định mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2022-2023	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	
99	Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi của ngành giáo dục Hà Nội; chi tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tham dự các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia của thành phố Hà Nội; chi cho học sinh Hà Nội tham gia các kỳ thi quốc tế tổ chức tại nước ngoài	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
100	Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2022-2025	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	
101	Nghị quyết quy định tiêu chí xác định các địa bàn không đủ trường công lập và mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường tiểu học công lập	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
102	Nghị quyết quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học của thành phố Hà Nội	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
103	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học phí đối với các học sinh thuộc hộ cận nghèo của thành phố Hà Nội	GD	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
104	Kế hoạch phục hồi, phát triển kinh tế, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID 19 và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022	GD	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
105	Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề trình độ trung cấp kết hợp học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông giai đoạn 2022-2025 tại các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn Thành phố	GD	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
106	Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố năm 2022	GD	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
VI LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (5 nhiệm vụ)		KH						
107	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội đến năm 2030	KH	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường trực Thành ủy, UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
108	Đề án Thiết lập Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội.	KH	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	Chuyển tiếp năm 2021, Ctr UB 277
109	Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	KH	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các quận huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Năm 2022	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
110	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội năm 2022	KH	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các quận huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Năm 2022	
111	Đề án xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	KH	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các quận huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Năm 2022	Chuyển tiếp năm 2021, Ctr UB 277
VII	LĨNH VỰC Y TẾ, ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI (20 nhiệm vụ)	YT						
112	Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Dân số năm 2022	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
113	Đề án mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn Thành phố đến năm 2030	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
114	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
115	Kế hoạch thực hiện "Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, sức khỏe sinh sản đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
116	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác Dân số các cấp giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
117	Kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, đảm bảo cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số	YT	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
118	Kế hoạch đảm bảo duy trì hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm; tiêm chủng phòng chống dịch bệnh	YT	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
119	Kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu 90-90-90 trong phòng, chống HIV/AIDS	YT	Sở Y tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
120	Kế hoạch/Đề án đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã theo hướng đảm bảo tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân	YT	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
121	Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện biên bản hợp tác đã ký với các đối tác APHP-Pháp và các tổ chức, đối tác có uy tín đã ký biên bản ghi nhớ, hợp tác	YT	Sở Y tế	Sở Ngoại vụ; Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021
122	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	YT	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
123	Đề án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống y tế Hà Nội giai đoạn 2022-2025	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
124	Kế hoạch phát triển nhân lực ngành Y tế giai đoạn 2022-2025	YT	Sở Y tế	Sở Nội vụ; Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý II	
125	Kế hoạch tiêm vắc xin ngừa Covid-19 cho trẻ em	YT	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
126	Kế hoạch triển khai mô hình trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình	YT	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
127	Kế hoạch quản lý sức khỏe cho người dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	YT	Sở Y tế	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý III	
128	Giải pháp kiểm soát, phân bố dân số theo quy hoạch được duyệt.	YT	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
129	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng nâng cao mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn	AS	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	HĐND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý IV	
130	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	AS	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Năm 2022	
131	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2022 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	AS	Bảo hiểm xã hội Thành phố	Văn phòng UBND TP; các Sở, ban, ngành liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Chủ Xuân Dũng	Quý I	
VII	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (13 nhiệm vụ)	TN						
132	Hoàn thành công tác xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021
133	Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đủ điều kiện.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã		PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021
134	Kế hoạch rà soát, xử lý dứt điểm các trường hợp còn tồn tại, vướng mắc trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình, nhất là cấp giấy chứng nhận tại các dự án phát triển nhà ở thứ phát.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã		PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
135	Nghiên cứu xây dựng phương án phân loại rác thải sinh hoạt phù hợp với công nghệ xử lý theo lộ trình phù hợp; áp dụng cơ giới hoá trong thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã		PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
136	Đề án khai thác nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025 và những năm tiếp theo.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch – Kiến trúc, Xây dựng; UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	
137	Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án chậm tiến độ, chậm triển khai, đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã		Các PCT UBND TP theo lĩnh vực phụ trách	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277 (3143/UBND-NC ngày 20/9/2021)
138	Danh mục nhà, đất phải di dời theo quy hoạch và danh mục di dời cơ sở sản xuất công nghiệp không phù hợp quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực nội thành Hà Nội.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Quy hoạch – Kiến trúc; Tài chính; UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý II	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277
139	Giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai; cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng, đất sử dụng trái mục đích trên địa bàn Thành phố	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; CTr UBND 277; Ctr TU số 10
140	Phương án sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch Thành phố đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất thời kỳ đầu (giai đoạn 2020 - 2025)	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý I	Nhiệm vụ chưa HT năm 2021 (Ctr UBND 277, Ctr TU số 02)
141	Đề án Bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu Bậy – Bắc Hưng Hải giai đoạn 2021 – 2025.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy hoạch - Kiến trúc; UBND quận Long Biên; UBND huyện Gia Lâm; Công ty TNHH MTV thoát nước Hà Nội	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
142	Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy hoạch - Kiến trúc, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể Thao; UBND các quận, huyện có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV	
143	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố.	TN	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở Kế hoạch – Đầu tư, Xây dựng, Quy hoạch – Kiến trúc, Tài chính và các đơn vị có liên quan	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV	
144	Nghiên cứu xây dựng các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội	TN	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	UBND Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV	
IX	LĨNH VỰC NỘI VỤ, NỘI CHÍNH, ĐỐI NGOẠI (26 nhiệm vụ)	NC						
145	Nghị quyết của HĐND Thành phố về trọng dụng nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao	NC	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	HĐND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý II	
146	Nghị quyết của HĐND Thành phố thành lập thôn, tổ dân phố mới; sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội	NC	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	HĐND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
147	Quyết định phê duyệt vị trí việc làm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp sau khi có Thông tư hướng dẫn của các Bộ	NC	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý III	
148	Nghị quyết phát triển thanh niên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030	NC	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	HĐND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
149	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ về nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới	NC	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; nhiệm vụ tại Ctr UB 277; CTr TU số 04
150	Đề án tổng thể về nâng cao năng lực và đảm bảo an toàn PCCC, CNCH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	NC	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	Chuyển tiếp từ 2021; nhiệm vụ tại Ctr UB 277
151	Đề án phát huy vai trò lực lượng Công an nhân dân trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của Công an Thành phố Hà Nội thông qua báo An ninh Thủ đô	NC	Công an Thành phố		Thường trực Thành ủy	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	
152	Chỉ thị tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, kinh doanh, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản, tài nguyên trên địa bàn Thành phố	NC	Công an Thành phố		UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	
153	Nghị quyết quy định diện tích ở bình quân đối với nhà cho thuê, mượn, ở nhờ để công dân được đăng ký thường trú ở Thành phố Hà Nội	NC	Công an Thành phố		HĐND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý III	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
154	Nghị quyết quy định số lượng, mức phụ cấp đối với công an bán chuyên trách được bố trí ở thôn tham gia công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở; mức chi hỗ trợ thời việc đối với Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm ANTT ở cơ sở trên địa bàn Thành phố	NC	Công an Thành phố		HĐND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý III	
155	Đề án Phòng ngừa, giải quyết nguy cơ hình thành "Điểm nóng" về ANTT tại các khu đô thị mới, khu chung cư trên địa bàn	NC	Công an Thành phố		Thường trực Thành ủy	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
156	Đề án xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị	NC	Công an Thành phố		UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
157	Dự án Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	NC	Công an Thành phố		UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Năm 2022	
158	Dự án xây dựng kho vật chứng của Công an Thành phố	NC	Công an Thành phố		UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Năm 2022	
159	Xây dựng trụ sở làm việc và trang thiết bị đối với Công an xã trên địa bàn Thành phố	NC	Công an Thành phố		UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Năm 2022	
160	Kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ đối với 11 đơn vị (9 quận, huyện và 2 sở)	NC	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	
161	Chỉ thị về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023	NC	Bộ Tư lệnh Thủ đô	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
162	Kế hoạch hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội năm 2022	NC	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	Thành ủy, UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	
163	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin điều tra xã hội học phục vụ công tác khảo sát trực tuyến, thu thập thông tin để xây dựng cơ chế, chính sách của Thành phố	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
164	Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát trực tuyến, thu thập thông tin, ý kiến của người dân về chất lượng cung ứng dịch vụ công thành phố Hà Nội.	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
165	Khảo sát, đo lường chỉ số cải cách hành chính nhà nước năm 2022 (đối với 52 sở, ngành, quận, huyện).	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
166	Khảo sát, đo lường chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, cơ quan tương đương Sở, UBND các quận, huyện, thị xã thuộc Thành phố năm 2022.	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
167	Khảo sát, đo lường chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với chất lượng cung ứng dịch vụ công trên một số lĩnh vực dân sinh bức thiết năm 2022.	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	

TT	Nhiệm vụ	Lĩnh vực	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Trình cơ quan	Lãnh đạo UBND Thành phố chỉ đạo	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
168	Nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách đề xuất trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)	NC	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.	UBND Thành phố	PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV	
169	Rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản, quy định pháp luật, các quy định liên quan đến cơ chế, chính sách để đảm bảo phù hợp trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	NC	Thanh tra Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.		PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I	Chuyển tiếp từ năm 2021; Nhiệm vụ tại CTr TU số 10; Ctr Ub 277
170	Xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023	NC	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.		PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn	Năm 2022	Chuyển tiếp từ năm 2021; Ctr Ub 277



Phụ lục 05: Thống kê nhiệm vụ của các đơn vị

(Kèm theo Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Sở, Ban, ngành	Số nhiệm vụ
1	Văn phòng UBND Thành phố	2
2	Bộ Tư lệnh Thủ đô	2
3	Công an Thành phố	11
4	Sở Công thương	5
5	Sở Du lịch	5
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	7
7	Sở Giao thông Vận tải	5
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13
9	Sở Khoa học và Công nghệ	2
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	5
11	Sở Ngoại vụ	1
12	Sở Nội vụ	4
13	Sở Nông nghiệp và PTNT	6
14	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	12
15	Sở Tài chính	5
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	12
17	Sở Thông tin và Truyền thông	3
18	Sở Tư pháp	1
19	Sở Văn hóa và Thể thao	14
20	Sở Xây dựng	11
21	Sở Y tế	16
22	Bảo hiểm xã hội Thành phố	1
23	Cục Thuế	1
24	Ngân hàng Chính sách xã hội TP Hà Nội	1
25	Thanh tra Thành phố	1
26	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH	12
27	Viện Quy hoạch Xây dựng	1
28	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	6
29	Ban Quản lý đường sắt đô thị	4
30	UBND quận Hoàn Kiếm	1
	Tổng số	170